

Cao Bằng, ngày 19 tháng 10 năm 2023

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 12

Phần E.III - Kiến thức bổ trợ

Ngày thi: 17/10/2023

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Ngô Tuấn Anh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	37	Nông Tuấn Khải	8,00	Tám
2	Dương Việt Bắc	6,75	Sáu phẩy bảy năm	38	Phan Minh Khôi	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nông Thị Bích	8,25	Tám phẩy hai năm	39	Nông Văn Khởi	7,25	Bảy phẩy hai năm
4	Nguyễn Thị Bích	8,00	Tám	40	Hoàng Thị Liên	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Lê Văn Bình	7,00	Bảy	41	Hoàng Ngọc Linh	7,50	Bảy phẩy năm
6	Bế Thị Cẩm	8,00	Tám	42	Đào Diệu Linh	8,50	Tám phẩy năm
7	Nông Văn Cương	7,00	Bảy	43	Nguyễn Thị Thùy Linh	7,50	Bảy phẩy năm
8	Phạm Minh Chi	8,00	Tám	44	Nguyễn Thị Thùy Linh	8,00	Tám
9	Đàm Thị Hồng Chuyên	8,00	Tám	45	Nông Thị Loan	8,25	Tám phẩy hai năm
10	Lê Quốc Dân	7,00	Bảy	46	Nguyễn Thế Long	8,00	Tám
11	Đàm Thị Diệu	8,25	Tám phẩy hai năm	47	Hà Vũ Long	7,50	Bảy phẩy năm
12	Triệu Thu Dị	8,25	Tám phẩy hai năm	48	Chu Tuấn Nam	7,50	Bảy phẩy năm
13	Vũ Anh Dũng	8,00	Tám	49	Hoàng Minh Ngọc	6,25	Sáu phẩy hai năm
14	Lục Đại Dương	7,25	Bảy phẩy hai năm	50	Linh Thị Ngọc	8,00	Tám
15	Ma Hồng Điệp	8,00	Tám	51	Vy Thị Nha		Không đủ điều kiện thi
16	Hoàng Thị Em	8,00	Tám	52	Nguyễn Thị Oanh	7,50	Bảy phẩy năm
17	Đặng Trường Giang	7,00	Bảy	53	Phùng Mùi Phạm	8,00	Tám
18	Nông Thị Giang	7,00	Bảy	54	Lý Thế Phi	8,00	Tám
19	Đinh Thị Thu Giang	7,50	Bảy phẩy năm	55	Nguyễn Minh Phương	8,00	Tám
20	Đỗ Trường Giang	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Trương Thị Thanh Tâm	8,00	Tám
21	Lê Thu Hà	8,50	Tám phẩy năm	57	Chu Thị Tuyền	7,00	Bảy
22	Nông Thị Hà	7,75	Bảy phẩy bảy năm	58	Đàm Thị Tư	7,50	Bảy phẩy năm

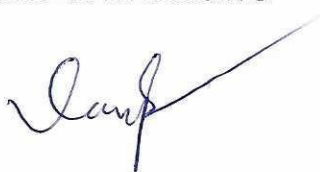
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Vũ Thu Hà	8,00	Tám	59	Hoàng Văn Thành	7,50	Bảy phẩy năm
24	Nông Văn Hải	8,00	Tám	60	Dương Thị Thiều	8,00	Tám
25	Nông Thị Bích Hạnh	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Hoàng Lê Thông	7,00	Bảy
26	Nông Thị Hằng	8,25	Tám phẩy hai năm	62	Hà Thị Minh Thu	8,00	Tám
27	Lý Xuân Hân	7,75	Bảy phẩy bảy năm	63	Nguyễn Thị Lệ Thu	8,00	Tám
28	Bế Thị Hòa	8,00	Tám	64	Hoàng Bích Thủy	8,50	Tám phẩy năm
29	Chu Minh Huệ	8,50	Tám phẩy năm	65	Lê Thị Thư	7,25	Bảy phẩy hai năm
30	Bế Quốc Huy	8,00	Tám	66	Đàm Thị Thương	7,25	Bảy phẩy hai năm
31	Đoàn Đức Huy	8,00	Tám	67	Lâm Hồng Trang	8,00	Tám
32	Nông Thị Hà Huyền	8,00	Tám	68	Lương Văn Trọng	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nông Thị Huyền	8,00	Tám	69	Hoàng Thị Uyên	8,00	Tám
34	Hoàng Thu Hường	8,25	Tám phẩy hai năm	70	Mạc Thị Uyên	7,50	Bảy phẩy năm
35	Ma Trung Kiên	7,25	Bảy phẩy hai năm	71	Hoàng Thị Yến	7,50	Bảy phẩy năm
36	Nông Văn Khải	7,00	Bảy	72	Mã Hồng Nhung	8,25	Tám phẩy hai năm

Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,75: 02 điểm; Điểm 7,00: 08 điểm; Điểm 7,25: 05 điểm; Điểm 7,50: 12 điểm; Điểm 7,75: 03 điểm; Điểm 8,00: 27 điểm; Điểm 8,25: 09 điểm; Điểm 8,50: 04 điểm./

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa